

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 02 - 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc Bích.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đức Hạnh, ông Nguyễn Xuân Định.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Ngày 07/02/2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 252/2023/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 252/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/01/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hạnh T, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Xóm N, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: vắng mặt chị T, anh C (chị T có đề nghị giải quyết vắng mặt, anh C vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Hạnh T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định ngày 04/3/2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do hai bên không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng dẫn đến đời sống chung căng thẳng, không có hạnh phúc. Chị đã chủ động về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, chị và anh C ly thân nhau, không còn quan hệ tình cảm từ khoảng tháng 04/2023. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Chị và anh **C** có 01 con chung là **Nguyễn Nhật Hải M**, sinh ngày 03/11/2022 hiện nay đang ở cùng chị. Do con chung còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc từ người mẹ. Mặt khác, anh **C** đang làm nghề lái tàu thủy thường xuyên phải đi tàu, ít có thời gian ở nhà để gần gũi, chăm sóc con nên chị **T** có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con chung. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị **T** đồng ý với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) mà anh **C** đưa ra. Chị **T** hiện đang làm công nhân của **công ty TNHH V** với mức thu nhập bình quân 7.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng, giấy triệu tập anh **C** đến làm việc, anh **C** cho biết: Anh và chị **T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định** ngày 04/3/2022. Trong thời gian chung sống hai vợ chồng vẫn hạnh phúc, chỉ có chút bất đồng nhỏ trong cuộc sống. Mặc dù giữa anh và chị **T** có mâu thuẫn nhưng anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh vẫn thương yêu vợ, con nên không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án tạo điều kiện để vợ chồng có cơ hội hàn gắn, đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị **T** có 01 con chung là **Nguyễn Nhật Hải M**, sinh ngày 03/11/2022 hiện nay đang ở cùng chị **T**. Trường hợp vợ chồng phải đi đến việc ly hôn thì anh có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị **T** cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp chị **T** được quyền nuôi con anh tự nguyện có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **T** mỗi tháng 2.000.000 đồng. Anh hiện đang lái tàu thủy với mức thu nhập trung bình 13.000.000 đồng/tháng và đang ở cùng với mẹ đẻ anh nên mẹ anh sẽ hỗ trợ tốt hơn trong việc chăm sóc con chung giúp anh.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác liên quan trong quan hệ hôn nhân: Anh **C** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi làm việc chị **T** có mặt, anh **C** vắng mặt không lý do. Chị **T** có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh **C** theo quy định tại khoản 3 Điều 210 và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Chị **T** xin giải quyết vắng mặt. Anh **C** mặc dù được Tòa án triệu tập họp lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của chị **T** đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị **T** có đề nghị xin xét xử vắng mặt, anh **C** mặc dù được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Hạnh T** và anh **Nguyễn Văn C** tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 04/3/2022 tại Ủy ban nhân dân xã **Y**, huyện **Ý**, tỉnh **Nam Định**. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa anh, chị không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị **T** xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chủ động sống ly thân anh **C** và kiên quyết xin ly hôn với anh **C**. Về phía anh **C**, mặc dù không muốn ly hôn, muốn được đoàn tụ, quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh đã chủ động gặp gỡ, thuyết phục chị **T** đoàn tụ tuy nhiên chị **T** vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Khi được Tòa án triệu tập để tham gia tố tụng, thông báo để hòa giải cho anh chị nhưng anh **C** vắng mặt, chị **T** có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, giữ nguyên quan điểm nên Tòa án không thể gắn kết hạnh phúc cho anh chị được. Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của chị **T**, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị **T** và anh **C** có 01 con chung là **Nguyễn Nhật Hải M**, sinh ngày 03/11/2022 hiện nay con chung đang ở với chị **T**. Chị **T**, anh **C** cùng có nguyện vọng xin nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, việc chăm sóc, nuôi dạy con chung chưa thành niên là trách nhiệm, nghĩa vụ, là quyền lợi của cha mẹ. Vì vậy, nguyện vọng xin được nuôi con sau khi ly hôn của chị **T**, anh **C** đều là nguyện vọng chính đáng. Xét về điều kiện thực tế, hiện nay chị **T** cung cấp cho Tòa án giấy xác nhận thể hiện nội dung chị đang làm công nhân của công ty TNHH **V** với mức thu nhập bình quân 7.000.000 đồng/tháng, chị **T** có chỗ ở, có nghề nghiệp thu nhập ổn định, đủ điều kiện chăm sóc và nuôi dạy con chung. Về phía anh **C**, anh cho biết hiện nay anh đang làm nghề lái i tàu thủy với mức thu nhập trung bình 13.000.000 đồng/tháng và hiện đang ở cùng với mẹ nên được sự hỗ trợ trong việc chăm sóc con chung. Với mức lương như trên anh tự nhận thấy có đủ điều kiện để chăm sóc tốt cho sự phát triển của con. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay Tòa án không ghi nhận được bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì của anh **C** để chứng minh vấn đề này.

Hội đồng xét xử nhận thấy, chị **T** hiện là công nhân cho công ty nên về điều kiện thu nhập sẽ ổn định, mặt khác kể từ khi sống ly thân con chung ở cùng chị **T**, hiện nay cháu còn nhỏ đang dưới 36 tháng tuổi rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ, người mẹ tại thời điểm này có nhiều điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tốt hơn. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị **T**, giao con chung là cháu **Nguyễn Nhật Hải M** cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp để con chung phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần. Anh **C** là người khỏe mạnh, đang trong độ tuổi lao động và có thu nhập nên hoàn toàn có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **T**, anh **C** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **T** mỗi tháng 2.000.000 đồng vì vậy Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của anh **C**, buộc anh **Nguyễn Văn C** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **T** số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng kể từ tháng 02/2024 cho đến khi con chung trưởng thành, tự lập được hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị **T**, anh **C** không yêu cầu giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Các đương phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị **Nguyễn Hạnh T** và anh **Nguyễn Văn C**.

2. Về con chung: Giao con chung **Nguyễn Nhật Hải M**, sinh ngày 03/11/2022 cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **Nguyễn Văn C** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **T** số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng kể từ tháng 02/2024 cho đến khi con chung trưởng thành, tự lập được hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị **Nguyễn Hạnh T** phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003442, ngày 06/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, chị **T** đã nộp đủ án phí.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **Nguyễn Văn C** phải nộp 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị **Nguyễn Hạnh T** và anh **Nguyễn Văn C** được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh+Huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Bằng;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thị Ngọc Bích